

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/09/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P6+PPD	7:25	4+4+7	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
2		THSA+P6-THSA	7:25	19+0+0	0+0+0		0+0+19	0+0+0	HẠ CÁNH HOANG SA-tat may tren P6
3		P4+PPD	7:25	22+0	0+0		10+12	0+0	
4		P7+P5	7:25	7+15	0+0		3+19	0+0	
5		BK6+P4	7:25	13+9	0+0		7+15	0+0	
6		P3+P9+CTK3	9:25	11+0+1	0+0+0		14+5+3	0+0+0	
7		AMD	9:25	15	0		22	0	
8		AMD+P2	9:25	15+0	0+0		14+8	0+0	
9		P8+P7	11:25	10+6	0+0		3+18	0+0	

TTĐĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY P7-1NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/09/2020	TO: TD1 - P6 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - N.Anh - Toan	ETA: 09:15
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARPUNIN	TD1	90	1	16		98	KHOAN	Russian
2	VU THE HUNG	TD1	92	1	11		59	KHOAN	Vietnamese
3	DINH CHI CONG	TD1	32	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THE DUNG	TD1	91	1	12		58	KHOAN	Vietnamese
5	PIATOV S.V	P6				25	94	KH-THAC	Russian
6	NGUYEN HUU NHAN	P6	48-49	2	12	60	70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG THAI ANH	P6	54-55	2	6		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG CHUONG	P6	52-53	2	11		62	KH-THAC	Vietnamese
9	HA VAN PHONG	PPD	86	1	6		63	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN DUC THANG	PPD	78	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG VAN DUNG	PPD	82-83	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGO VAN QUAN	PPD				21	65	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI NGOC HOANG	PPD	77	1	16		64	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VAN NGOC	PPD				26	53	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN VAN THINH	PPD	76	1	5		78	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	4	50	280	0	0		
2	P6	4	6	29	301	85	9		
3	PPD	7	6	62	456	47	13		
TOTAL		15	16	141	1.037	132	22		
WEIGHT KG				141	1.037	132			

GRAND TOAL: 1.310 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:55
FLIGHT:	TO: THSA - P6 - THSA.	CREW: HHai - TRƯỜNG -	ETA: 12:35
TIM-1		TPHƯƠNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN VINH	THSA					81	D-HANH	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN HOÀNG	THSA					68	D-HANH	Vietnamese
3	LÊ VIỆT DŨNG	THSA					58	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN TRONG HIẾN	THSA	09-10	2	12		48	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY HOÀNG	THSA					83	D-HANH	Vietnamese
6	PHẠM THANH BÌNH	THSA					71	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYỄN THE VĂN	THSA					74	D-HANH	Vietnamese
8	YATSENKO S.V.	THSA	06	1	5		100	D-HANH	Russian
9	NGUYỄN HỒNG GIANG	THSA	03	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
10	BAGNIUKOV A.YU.	THSA	04	1	5		86	D-HANH	Russian
11	PHẠM VĂN QUÂN	THSA	08	1	4		67	D-HANH	Vietnamese
12	TRẦN TÂN	THSA	05	1	2		73	D-HANH	Vietnamese
13	ĐỖ DUY ĐỒNG	THSA					68	D-HANH	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG DIỄN	THSA	02	1	3		70	D-HANH	Vietnamese
15	BUI TRONG HÂN	THSA					68	D-HANH	Vietnamese
16	BUI HỒNG DƯƠNG	THSA					58	D-HANH	Vietnamese
17	NENASTEV DENIS	THSA	07	1	5		92	D-HANH	Russian
18	NGUYEN VAN VIET	THSA					70	SBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	THSA	18	9	41	1.302	0	0		TAT MAY3H TAI P6,CHUYEN 4 PAX TU P6 SANG THSA
2	P6	0	0	0	0	0	0	+4p	
3	THSA.	0	0	0	0	0	19		
TOTAL		18	9	41	1.302	0	19		
WEIGHT KG				41	1.302	0			

GRAND TOAL: 1.343 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT:	TO: P4 - PPD	CREW: HƯNG - Hạnh - Luy	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ CÔNG TRÌNH	P4	92	1	4	50	68	D-HANH	Vietnamese
2	PHẠM MỸ TRANG	P4	95	1	4		65	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	P4	96	1	6		100	D-HANH	Vietnamese
4	LÊ THỊ CẨM THU	P4	94	1	3		60	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY ANH	P4	91	1	5		61	D-HANH	Vietnamese
6	MARJIEV M. M-C.	P4	97	1	8		82	KH-THAC	Russian
7	KURPASOVA V A	P4	93	1	12		71	KH-THAC	Russian
8	VLASOV A. M.	P4					96	KH-THAC	Russian
9	ĐỖ HỮU NAM	P4	86	1	16		69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN VINH	P4	587	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN SĨ TUẤN	P4					63	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN ANH ĐỨC	P4	93	1	7		93	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẠO MINH TUẤN	P4	300	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN CHIẾN	P4	90	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH SƠN	P4	87	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	591	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	88	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
18	LÂM VĂN PHÚC	P4	98	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG KHẮC DU	P4	99	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÂM XUÂN HAI	P4	592	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯƠNG ĐÌNH MINH	P4	89	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH HAI	P4	85	1	16		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	20	140	1.595	50	10		
2	PPD	0	0	0	0	80	12		
TOTAL		22	20	140	1.595	130	22		
WEIGHT KG				140	1.595	130			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:35
FLIGHT:	TO: P7 - P5	CREW: MTHẮNG - ĐỨC - TSON	ETA: 11:15
trang-1			

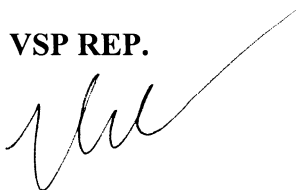
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NIKITIN	P7					91	ANTOAN	Russian
2	BẠCH ANH TUẤN	P7	42-43	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH HOÀI NAM	P7				17	86	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI VĂN SƠN	P7	45	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI CÔNG LAN	P7	44	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN TIẾN HIỆP	P7	47	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7					77	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ CHẾ LINH	P5	61-62	2	15		73	KH-THAC	Vietnamese
9	SAGIROV M. S.	P5	91	1	5	15	72	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	60	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẠO ĐÌNH HUY	P5	98-99	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
12	TỔNG XUÂN SINH	P5	53,55	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐÌNH TỬ	P5	93	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	97	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	54	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
16	LUƠNG VĂN THANH	P5	57	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI TRỌNG NGHĨA	P5	95-96	2	6		62	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN CAO MẠNH	P5	58	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ QUANG THẮNG	P5	56	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P5	92	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN TOÀN	P5	59	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG KHANG	P5	94	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	7	5	30	508	17	3		
2	P5	15	19	110	1.026	15	19		
TOTAL		22	24	140	1.534	32	22		
WEIGHT KG				140	1.534	32			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

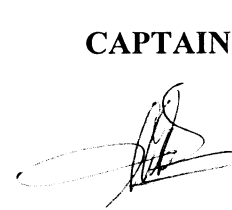
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	TO: BK6 - P4	CREW: ATUẤN - VThắng - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG CÔNG THIN	BK6	57-58	2	10		71	SINH HUN	Vietnamese
2	TRINH VI QUAN	BK6	59	1	8		55	SINH HUN	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC TOÀN	BK6	43-44	2	10		67	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN KHẮC SAU	BK6	45	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
5	LA VĂN ĐỨC	BK6	50-51	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ QUỐC HƯƠNG	BK6	52	1	8	60	68	XAYLAP	Vietnamese
7	HOÀNG NGỌC HÀ	BK6	46	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAN VĂN HẠNH	BK6	53-54	2	19		83	XAYLAP	Vietnamese
9	HÀ XUÂN ĐẠT	BK6	47-48	2	12		58	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG ĐỊNH	BK6	55-56	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGÔ ĐỨC THUẬN	BK6	49	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
12	HÀ VĂN NIỆM	BK6	63	1	4		75	PSV	Vietnamese
13	BUI THANH CAM	P4	47	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH NAM	P4	50	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC MINH	P4	51	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN CÔNG TÍNH	P4	46	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU THANH	P4					70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC HUNG	P4	45	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HUNG BAY	P4	49	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÌNH QUANG SƠN	P4	43-44	2	18		56	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P4	48	1	5		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	12	18	146	809	60	7		
2	P4	9	9	53	597	0	15		
TOTAL		21	27	199	1.406	60	22		
WEIGHT KG				199	1.406	60			

GRAND TOAL: 1.665 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:50
FLIGHT: 6	TO: P3 - P9 - CTK3	CREW: Nam - N.Anh - Toàn	ETA: 09:30
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TRẦN TUẤN AN	P3	41-42	2	11	6	75	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN THANH	P3	43-44	2	9		57	KH-THAC	Vietnamese
3	LAM TUẤN KHAI	P3	24	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ KHAI ĐẠT	P3	20-21	2	14		94	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P3	22	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG TRUNG	P3	39	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	VĂN MINH TÂN	P3	40	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
8	CHÂU ĐÌNH TU	P3	25	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN CÔNG THANH	P3	23	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN VIỆT	P3	26	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
11	LÊ VĂN TÀI	P3	27	1	7		77	GETRACO	Vietnamese
12	LÊ QUANG HUY	CTK3	57-58	2	16		70	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN HOANG AN	CTK3				55	55	VNHS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	11	14	70	774	6	14		+HANG VE 100KG TU P9
2	P9	0	0	0	0	0	5	+ 100KG	
3	CTK3	2	2	16	125	55	3		
TOTAL		13	16	86	899	61	22		
WEIGHT KG				86	899	61			

GRAND TOAL: 1.046 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/09/2020	TO: AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạnh - Luy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DINH KHANH	AMD	08	1	3	40	62	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM ANH NGU	AMD	04-05	2	8		73	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TRUNG KIEN	AMD	66	1	12		67	HLJOC	Vietnamese
4	TRUONG THE HIEN	AMD	96	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG LÊ THANH	AMD	93	1	6	13	73	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUANG THANH	AMD	67-68	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	69	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	92	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	100	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH HÙNG	AMD	02-03	2	18		80	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VIỆT PHƯƠNG	AMD	65	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NHA	AMD	97-98	2	11		64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN KHANH	AMD	99	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG KIEN	AMD	70	1	11		92	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG MẠNH PHU	AMD	01	1	11		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	19	131	1.052	53	22		
TOTAL		15	19	131	1.052	53	22		
WEIGHT KG				131	1.052	53			

GRAND TOAL: 1.236 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT:	TO: AMD - P2	CREW: ATUÁN - VThắng - DTùng	ETA: 11:20
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HY TAC SANG	AMD	22	1	13	5	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH KHOI	AMD	82-83	2	20		67	KH-THAC	Vietnamese
3	LE MANH THANG	AMD	94-95	2	12		58	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU HUU CHINH	AMD	99	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH HOANG	AMD	16-17	2	18		85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ BA THANH	AMD	600	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH HUNG	AMD	80-81	2	15		58	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG MINH ĐỨC	AMD	19	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ THANH DANH	AMD	97-98	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
10	HA VAN THUY	AMD	14-15	2	14		74	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VINH QUANG	AMD	84	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG VIỆT	AMD	18	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VIỆT ĐỨC	AMD	96	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	AMD	20-21	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VIỆT PHONG	AMD	78-79	2	10		63	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	23	173	1.020	5	14		
2	P2	0	0	0	0	80	8		
TOTAL		15	23	173	1.020	85	22		
WEIGHT KG				173	1.020	85			

GRAND TOAL: 1.278 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT:	TO: P8 - P7 - PVD2	CREW: HÙNG - Khang - QTrưởng	ETA: 13:10
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH CHUÔNG	P8	24	1	8		62	TRƯỜNG	Vietnamese
2	LÊ HỮU HOA	P8	29	1	11		68	TRƯỜNG	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN TÙNG	P8	27	1	10	20	64	TRƯỜNG	Vietnamese
4	TRẦN VĂN DUY	P8	35	1	15		88	TRƯỜNG	Vietnamese
5	TRUONG VAN HUAN	P8	37	1	14		64	TRƯỜNG	Vietnamese
6	LÊ THANH SƠN	P8	34,26	2	20		62	TRƯỜNG	Vietnamese
7	ĐỖ ĐÌNH TRƯỜNG	P8	36	1	15	96	58	TRƯỜNG	Vietnamese
8	LÊ VŨ LỰC	P8	30	1	10	20	74	TRƯỜNG	Vietnamese
9	ĐÀO HOÀNG ANH	P8	33	1	8		65	TRƯỜNG	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC KHANH	P8	32	1	8		58	TRƯỜNG	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC SƠN	P7					74	KH-THAC	Vietnamese
12	DOÀN ĐÌNH PHẠC	P7	49	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
13	LÂM ĐĂNG GIANG	P7					77	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO TUẤN CHỦ	P7	50	1	4		68	PSV	Vietnamese
15	LÊ HỮU LONG	P7	48	1	4		61	PSV	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TÀI	P7	51	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	10	11	119	663	136	3		+50KG HANG VE TU P8
2	P7	6	4	17	426	0	18		
3	PVD2	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		16	15	136	1.089	136	22		
WEIGHT KG				136	1.089	136			

GRAND TOAL: 1.361 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN